

NGHIÊN CỨU CÁC SỰ KIỆN TỔN THẤT HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009 - 2019

● TẠ THANH HUYỀN

TÓM TẮT:

Môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, áp lực công việc lớn do tốc độ và khối lượng giao dịch tăng, sự lệ thuộc vào kỹ thuật và công nghệ nhiều hơn đã làm gia tăng mức độ nghiêm trọng của các sự kiện tổn thất hoạt động và các loại sự kiện rủi ro này cũng ngày càng đa dạng (Cooke, 2004). Sự kiện tổn thất hoạt động bao trùm hầu hết các hoạt động của ngân hàng, có mối quan hệ chặt chẽ với các sự kiện rủi ro khác (Frame, 2002). Do vậy, bài viết phân tích các sự kiện tổn thất hoạt động nổi bật tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam và đưa ra một số đề xuất nhằm tăng cường quản lý hoạt động tại các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: rủi ro hoạt động, tổn thất hoạt động, sự kiện.

1. Phân loại sự kiện tổn thất hoạt động tại các NHTM

Khi rủi ro hoạt động (RRHĐ) xảy ra đồng nghĩa với việc xuất hiện các sự kiện tổn thất hoạt động. Theo Basel 2, sự kiện tổn thất hoạt động được phân thành 7 nhóm chính bao gồm: (1) Gian lận nội bộ; (2) Gian lận bên ngoài; (3) Thực tiễn về việc làm và an toàn tại nơi làm việc; (4) Khách hàng, sản phẩm và thực tiễn kinh doanh; (5) Thiệt hại đối với tài sản vật chất; (6) Gian đoạn trong kinh doanh và thất bại của hệ thống; (7) Thực hiện, phân phối và quản lý quy trình. Ủy ban tin rằng mỗi sự kiện nên được báo cáo riêng rẽ và đưa ra hướng dẫn về cái gì sẽ tạo ra một sự kiện. Cụ thể:

(1) Gian lận nội bộ, gồm:

- Hành động trái phép: Cố ý không báo cáo các giao dịch; Giao dịch không phù hợp với vị trí (giao dịch vượt thẩm quyền); Cố ý không thực hiện nhiệm vụ.

- Trộm cắp và gian lận: Nhân viên chiếm dụng tài sản; Nhân viên phá hoại tài sản; Nhân viên trộm cắp, tham ô, cướp tài sản; Nhân viên mạo danh tiếp quản tài khoản không được phép; Giao dịch nội gián; Tiết lộ thông tin.

(2) Gian lận bên ngoài, gồm:

- Trộm cắp và gian lận: Trộm cắp; Cướp tài sản; Giả mạo; Giấy nợ.

- Hệ thống an ninh: Thiệt hại do tin tặc; Trộm cắp thông tin.

(3) Thực tiễn về việc làm và an toàn tại nơi làm việc, gồm:

- Quan hệ với nhân viên: Các vấn đề về đảm bảo lợi ích, bồi thường, chấm dứt hợp đồng lao động.

- An toàn môi trường làm việc: Trách nhiệm chung; Sự kiện liên quan đến sức khỏe và an toàn của nhân viên trong quá trình làm việc; Bồi thường lao động.

(4) Khách hàng, sản phẩm và thực tiễn kinh doanh, gồm:

- Sự phù hợp của sản phẩm: Vi phạm về sự tuân thủ các điều khoản, hướng dẫn trong quan hệ ủy thác; Vấn đề liên quan đến định danh khách hàng; Vi phạm về việc tiết lộ thông tin của khách hàng cá nhân; Vi phạm quyền riêng tư của khách hàng; Phong cách bán hàng hung hăng; Lạm dụng thông tin bí mật.

- Thực tiễn môi trường kinh doanh: Chống độc quyền; Thao túng thị trường; Giao dịch nội gián (trên tài khoản công ty); Hoạt động không có giấy phép; Rửa tiền.

- Lỗi hổng trong thiết kế sản phẩm: Lỗi sản phẩm (không được phép cung ứng); Lỗi mô hình.

- Lựa chọn khách hàng cho vay: Không thẩm định khách hàng theo hướng dẫn; Cho vay vượt quá giới hạn dư nợ của khách hàng.

- Hoạt động tư vấn: Tranh chấp về hiệu quả hoạt động tư vấn.

(5) Thiệt hại đối với tài sản vật chất, gồm: Thiệt hại do thiên tai; **Tổn thất con người** do các nguyên nhân bên ngoài (khủng bố, phá hoại,...).

(6) Gián đoạn trong kinh doanh và thất bại của hệ thống: Lỗi hệ thống (Phần cứng; Phần mềm; Viễn thông; Mất điện; Giao dịch bị gián đoạn).

(7) Thực hiện, phân phối và quản lý quy trình, gồm:

- Thực hiện giao dịch, bảo trì hệ thống: Hiểu sai; Lỗi trong nhập dữ liệu, bảo trì dữ liệu hoặc tải dữ liệu; Quá thời hạn; Sai về mô hình hoặc hệ thống; Lỗi về kế toán; Lỗi trong các nhiệm vụ khác; Lỗi giao nhận; Thất bại trong quản lý tài sản thế chấp; Bảo trì dữ liệu.

- Giám sát và báo cáo: Thiếu các báo cáo bắt buộc; Báo cáo công bố bên ngoài không chính xác.

- Khách hàng: Thiếu những bằng chứng về sự cho phép hay từ chối của khách hàng; Tài liệu pháp lý còn thiếu hoặc chưa đầy đủ.

- Quản lý tài khoản khách hàng: Truy cập vào những tài khoản không được chấp thuận; Hồ sơ khách hàng không chính xác; Mất mát hoặc hư hỏng tài sản của khách hàng.

- Đối tác thương mại: Sự không hài lòng của những đối tác không phải khách hàng; Tranh chấp của những đối tác không phải khách hàng.

- Tranh chấp liên quan đến nhà cung cấp.

2. Thực trạng các sự kiện RRHD tại các NHTM Việt Nam được công bố giai đoạn 2009 - 2019

2.1. Phân bố các sự kiện tổn thất theo loại sự kiện

Basel đã chia các sự kiện tổn thất hoạt động thành 7 loại khác nhau, tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam, các vụ việc cố ý làm trái, lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đa số (loại 1 hoặc loại 2 tương ứng là gian lận nội bộ hoặc gian lận bên ngoài) và gây thiệt hại lớn nhất. Các tổn thất tài sản do thiên tai hoặc phá hoại (loại 5), sự gián đoạn đường truyền, hệ thống (loại 6) hoặc sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ và quản lý quy trình (loại 7) của ngân hàng cũng có xuất hiện nhưng thường xuyên được các ngân hàng giải quyết nhanh chóng, hoặc thiệt hại thường nhỏ nên không thu hút được nhiều sự chú ý trên báo chí cũng như các phương tiện truyền thông. Các tổn thất phát sinh trong quan hệ với nhân viên (loại 3) hoặc thái độ với khách hàng (loại 4) có thể nói hầu như không xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam hoặc do thiệt hại không đáng kể, về cơ bản không gây chú ý trong dư luận nên không được các phương tiện truyền thông nhắc tới.

Theo thu thập của nhóm tác giả, loại sự kiện tổn thất hoạt động phổ biến nhất là các sự kiện gian lận do các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hoặc không tuân thủ các quy định, chính sách của ngân hàng, luật pháp,... trong đó, có ít nhất 1 bên liên quan nằm trong nội bộ ngân hàng (gian lận nội bộ). Các sự kiện xảy ra hầu hết xuất phát từ yếu tố con người, mà trước hết là cán bộ ngân hàng.

Một số hành vi vi phạm điển hình đã phát hiện thường có các biểu hiện: Cán bộ ngân hàng móc nối với đối tượng ngoài ngân hàng cố ý làm trái các quy định để hưởng lợi bất chính; Cán bộ ngân hàng thông đồng với các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu vay vốn để lập các hồ sơ giả, bảo lãnh khống... hạ chuẩn điều kiện cho vay, nâng giá trị tài sản bảo đảm tiền vay, nâng khống giá trị tài sản cho thuê nhất là hoạt động cho thuê tài chính... để rút tiền sử dụng sai mục đích như đầu tư chứng khoán, bất động sản, nhà đất...; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để lừa đảo, làm trái các quy định của Nhà nước nhằm chiếm đoạt tài sản.

Các trường hợp cụ thể được ghi nhận trong quá khứ bao gồm: Tổng giám đốc ngân hàng hoặc giám

đốc chi nhánh, phòng giao dịch chỉ đạo cán bộ làm sai, không tuân thủ quy trình, phê duyệt vượt hạn mức, vượt thẩm quyền đối với các người vay có quan hệ phức tạp, phát hành các thư bảo lãnh khống; cán bộ lập hồ sơ khống, qua mặt các cấp quản lý để giải ngân tiền vay của ngân hàng (ví dụ như vụ việc xảy ra tại Ngân hàng HSBC (2015), cán bộ quan hệ khách hàng tự vẽ ra hồ sơ giả mạo, phê duyệt cho vay tín chấp sau đó rút tiền của ngân hàng, gây thiệt hại 6 tỷ đồng; Thủ quỹ ngân hàng tự ý thụt két, trộm tiền; các thành viên ban quản lý, tiếp quỹ hay kiểm kê ATM thông đồng với nhau để rút lỗi tiền của ngân hàng hay một số trường hợp cán bộ vay ké của khách hàng, dùng vốn sai mục đích, sau đó không trả nợ được.

Các sự kiện gây tổn thất tiếp theo là các hành vi lừa gạt, chiếm đoạt tài sản hoặc vi phạm pháp luật, được thực hiện bởi bên thứ ba. Ví dụ: Khách hàng giả diên để không trả nợ ngân hàng, khách hàng lập công ty ma, lập chứng từ, hóa đơn giả để lừa ngân hàng cho vay vốn; khách hàng gửi vàng giả rút tiền thật hay làm sổ đỏ giả, cấu kết với phòng công chứng để lừa ngân hàng.

Các sự kiện thuộc nhóm 5, 6, 7 ít xuất hiện hơn hoặc do thiệt hại tiền của ít, không gây chú ý nên ít được nhắc đến. Các sự kiện rủi ro dẫn đến thiệt hại về tài sản (loại 5) có thể kể đến các vụ việc như cháy trụ sở làm việc (Ngân hàng MBS - TP. Hồ Chí Minh, năm 2013), do kẻ trộm phá máy ATM (vụ việc lớn nhất diễn ra tại ngân hàng VCB năm 2015 với thiệt hại là 1,4 tỷ đồng) hoặc các vụ cướp ngân hàng (ví dụ: Agribank Hoàng Mai; Agribank Vũ Thư, Thái Bình; BIDV Thừa Thiên Huế; hoặc vụ cướp tại Ngân hàng Bắc Á). Phần nhiều trong các vụ phá máy ATM, cướp ngân hàng không gây thiệt hại cho ngân hàng vì nghi phạm thường nhanh chóng bị bắt và thu giữ tang vật nhờ sự vào cuộc khẩn trương của lực lượng công an.

Sự gián đoạn trong kinh doanh và lỗi hệ thống cũng thỉnh thoảng xảy ra đối với một số ngân hàng. Một số sự vụ được ghi nhận như máy ATM của ngân hàng Agribank bị rò điện (năm 2010); Hệ thống máy rút tiền của Vietcombank bị liệt cục bộ năm 2016. Hoặc hệ thống mạng của Techcombank (2015) và của Vietcombank (2018) gặp sự cố khiến cho khách hàng không rút được

tiền trong 1 buổi sáng. Tất cả những sự cố này đã được các ngân hàng xử lý ngay lập tức và thiệt hại cụ thể về tiền thường không tính toán được cũng như được công bố hay ghi lại.

Một số lỗi trong quản lý quy trình giao dịch cũng thỉnh thoảng xuất hiện như ngân hàng không xác minh nguồn gốc tài sản nên mất quyền xử lý tài sản (Ngân hàng BIDV thiệt hại 2,7 tỷ năm 2013), ngân hàng chậm giải ngân nên phải bồi thường cho khách hàng (BIDV, 2013 thiệt hại 26,3 tỷ) hay Ngân hàng Đông Á - Vũng Tàu chuyển nhầm tiền trên tài khoản khách hàng gây thiệt hại 2,5 tỷ.

2.2. Phân tích tần suất xảy ra các sự kiện tổn thất hoạt động trên dòng thời gian

Phân tích tổng hợp các sự kiện theo thời gian chỉ ra tần suất xuất hiện các vụ việc là khác nhau trong các giai đoạn. Trong 2 năm 2010-2011, số lượng các sự kiện tổn thất án vụ không quá nhiều, lớn nhất có vụ vợ chồng Hồ Minh Hậu - Phạm Thị Ái Loan lập công ty ma lừa đảo 3 ngân hàng: Vietcombank, Việt - Nga và BIDV với tổng số tiền gần 400 tỷ đồng.

Từ năm 2012, đặc biệt giai đoạn 2012-2015 là giai đoạn cao điểm xảy ra các sự kiện tổn thất hoạt động với nhiều vụ án lớn bị phát hiện và truy tố, như: Vụ án Huyền Như giả con dấu, lập hợp đồng giả, chữ ký giả lừa đảo chiếm đoạt 4.000 tỷ đồng; vụ án Phạm Công Danh với tổng thiệt hại lên đến 9.000 tỷ đồng.

Các vụ việc xảy ra với tần suất liên tục (đặc biệt là giai đoạn sau 2012-2015) có nguyên nhân đầu tiên là do tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và kinh tế trong nước suy giảm trong giai đoạn năm 2012-2013. Hoạt động đầu tư, thương mại và sản xuất kinh doanh trì trệ kéo theo những khó khăn trong hoạt động tài chính, ngân hàng nên vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế nói chung và lĩnh vực ngân hàng nói riêng có chiều hướng gia tăng. Bên cạnh đó, trong giai đoạn phát triển trước đây, nhiều tổ chức tín dụng (TCTD) đã nới lỏng các điều kiện cho vay, điều kiện giao dịch trong khi trình độ quản lý chưa theo kịp yêu cầu quản trị rủi ro nên đã xảy ra nhiều vụ việc sai phạm.

Nguyên nhân thứ hai độ hệ thống quản trị, kiểm soát, kiểm toán nội bộ của TCTD còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh

tế thị trường đang hội nhập ngày càng sâu, rộng; dẫn đến sơ hở trong quản lý, điều hành, chưa phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, chậm hoặc không phát hiện được các hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng. Hệ thống công nghệ thông tin, năng lực quản trị rủi ro và trình độ cán bộ của một số ngân hàng hiện nay còn bất cập, trong khi đó các loại tội phạm mới, nhất là tội phạm công nghệ cao ngày càng tinh vi và chưa được cảnh báo kịp thời.

Ngoài ra, một số ngân hàng, đơn vị/chi nhánh thuộc NHTM vì sức ép lợi nhuận, sức ép thành tích đã nới lỏng điều kiện tín dụng, không tuân thủ nghiêm túc một số trình tự, thủ tục, quy định cho vay; không chuyển nhóm nợ theo quy chế; cho vay không có tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không đủ thủ tục pháp lý;... Một số TCTD hoạt động thiếu công khai, minh bạch hoặc bị thao túng, chi phối bởi các cổ đông lớn, đặc biệt là trong việc cho vay, đầu tư tài chính phục vụ cho các công ty con của cổ đông lớn hoặc đáp ứng cho lợi ích riêng của cổ đông lớn và người có liên quan vượt giới hạn an toàn và tiềm ẩn rủi ro cao cho TCTD.

Về nguyên nhân vĩ mô, việc xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý đối với hoạt động tiền tệ, ngân hàng còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, công nghệ thông tin ngày càng hiện đại, hoạt động ngân hàng ngày càng phát triển nhanh, đa dạng, phức tạp và tình hình tham nhũng, tội phạm cũng ngày càng tinh vi.

3. Một số kiến nghị đề xuất nhằm tăng cường quản lý rủi ro hoạt động

Thứ nhất, các NHTM cần xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị RRHĐ theo chuẩn mực quốc tế. Các NHTM Việt Nam hiện nay cần khẩn trương xây dựng mô hình 3 tuyến phòng thủ trong quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Theo đó, các NHTM cần thành lập, hoàn thiện ủy ban quản lý rủi ro riêng biệt, trong đó bao gồm cả ủy ban quản lý RRHĐ. Cấu trúc quản trị cần đảm bảo bộ phận giám sát rủi ro phải hoạt động một cách độc lập, không tham gia vào quá trình tạo RRHĐ để đảm bảo chức năng quản lý, giám sát rủi ro được hiệu quả. (Hình 1)

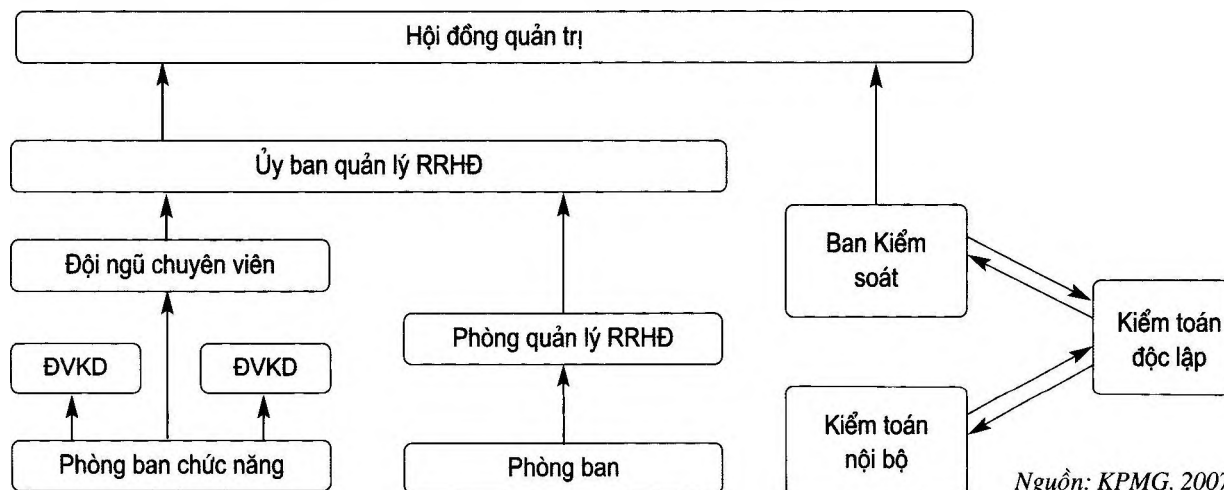
Thứ hai, xây dựng quy trình quản lý RRHĐ theo thông lệ quốc tế. Tương tự như các rủi ro khác, quy trình cần bao gồm các nội dung: (i) nhận diện rủi ro; (ii) đo lường rủi ro; (iii) giám sát rủi ro; và (iv) xử lý và báo cáo rủi ro.

Về nhận diện rủi ro, các NHTM cần phải nhận diện rủi ro một cách toàn diện và đồng bộ trên tất cả khía cạnh con người, hệ thống, quy trình và nhóm yếu tố bên ngoài nhằm xác định sớm RRHĐ tránh bỏ sót rủi ro.

Về đo lường rủi ro, các NHTM Việt Nam cần triển khai lộ trình phù hợp để đáp ứng phương pháp đo lường trước hết theo yêu cầu Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và tiến tới phương pháp hiện đại AMA theo Basel 2.

Về giám sát rủi ro, các NHTM cần xây dựng hệ thống các chỉ số đo lường rủi ro chính KRIs

Hình 1: Mô hình cấu trúc quản trị RRHĐ cơ bản trong ngân hàng



Nguồn: KPMG, 2007

(key risk indicators) cho RRHĐ nhằm phục vụ việc giám sát rủi ro. Mỗi chỉ tiêu này cần đưa ra ngưỡng/hạn mức cụ thể và có các biện pháp phù hợp khi vượt ngưỡng.

Về báo cáo RRHĐ, các NHTM cần báo cáo định kỳ về RRHĐ và báo cáo đột xuất trong những trường hợp cần thiết.

Thứ ba, các NHTM cần xây dựng cơ sở hạ tầng cho quản lý RRHĐ. Các NHTM cần xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm các cấu phần chính sau: (i) Cơ sở dữ liệu về các thông tin tổn thất, (ii) Nguyên tắc kế toán phân bổ vốn các phân khúc kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, để từ đó hình thành kho dữ liệu cho RRHĐ; (iii) Phần mềm quản trị RRHĐ.

Thứ tư, các NHTM cần đưa ra chiến lược cụ thể đối với các sự kiện tổn thất. Để đánh giá mức độ của sự kiện tổn thất trong RRHĐ, các NHTM phân tích hai khía cạnh: (i) khả năng xảy ra sự kiện được xem xét trên số lượng, tần suất xảy ra sự cố cho mỗi nguyên nhân trong 4 nguyên nhân; và (ii) tác động của sự kiện rủi ro được xem xét trên số tiền bị mất, tổn thất gây ra cho ngân hàng. Từ đó, sắp xếp theo điểm từ 1 đến 5 và được biểu diễn dưới dạng ma trận.

Từ việc tính toán mức độ sự kiện các NHTM sẽ đưa ra chiến lược phòng ngừa, hạn chế RRHĐ tương ứng. Theo đó:

- Sự kiện Tần suất cao/Tác động cao không được ưu tiên nhiều, nên được tránh.

- Các sự kiện Tần suất thấp/Tác động thấp thường được bỏ qua (chấp nhận);

- Các sự kiện Tần suất cao/Tác động thấp được kiểm soát để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các sự kiện này có xu hướng đã được hiểu và được xem như “chi phí kinh doanh”.

- Các sự kiện Tần suất thấp/Tác động cao là khó quản lý nhất đối với ngân hàng. Về bản chất, đó là các sự kiện ít được hiểu và khó dự đoán nhất. Hơn nữa, chúng dễ gây ra tổn thất nặng nề và thậm chí làm sụp đổ cả ngân hàng nên NHTM cần chuyển giao.

Từ các chiến lược này, các NHTM sẽ cụ thể hoá thành các giải pháp đối với các nhóm sự kiện theo từng nguyên nhân:

- Đối với nguyên nhân nội bộ gây ra RRHĐ đến từ yếu tố như con người, quy trình, hệ thống các NHTM cần tích cực đưa giải pháp hạn chế rủi

ro. Các NHTM cần xây dựng các chính sách quản trị nhân lực nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, đạo đức nghề nghiệp tốt. Các NHTM cần chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức. Đối với quy trình nghiệp vụ, các NHTM cần rà soát các quy trình nghiệp vụ thường xuyên, hoàn thiện hóa, tránh lỗ hổng trong quy trình. Bên cạnh đó, cũng cần cập nhật và bảo dưỡng định kỳ hệ thống công nghệ thông tin và vận hành.

- Đối với nguyên nhân bên ngoài gây ra RRHĐ, các NHTM cũng cần có những biện pháp đối phó. Đối với các sự kiện như vấn đề truyền thông, thiên tai hoả hoạn, các NHTM cần đưa ra kế hoạch dự phòng, phương án sẵn sàng đối phó, khắc phục kịp thời hậu quả. Các NHTM cũng có thể thực hiện biện pháp chuyển giao rủi ro cho bên thứ ba như mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản có khả năng xảy ra tổn thất như: khách hàng cố ý lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, vi phạm chính sách, quy định của ngân hàng mà không có sự hỗ trợ, cấu kết của nhân viên ngân hàng; giả mạo chứng từ, hồ sơ, trộm, cướp, xâm nhập, thẻ, thiên tai, cháy nổ, khủng bố, lỗi phần mềm, phần cứng,... gây ra RRHĐ.

4. Kết luận

Phân tích thực trạng sự kiện RRHĐ xảy ra tại các NHTM Việt Nam thời gian qua cho thấy RRHĐ chính là một trong các rủi ro lớn nhất mà hệ thống Ngân hàng Việt Nam phải đối mặt. Thiệt hại từ những sự kiện tổn thất hoạt động có thể làm phá sản ngân hàng. Mặc dù Việt Nam vẫn chưa chính thức có ngân hàng tuyên bố phá sản nhưng rõ ràng những ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước xem xét mua lại với giá 0 đồng thời điểm đó đều đã âm vốn, nghĩa là đã phá sản về mặt lý thuyết. Một số ngân hàng cũng đã lao đao trong thời gian dài sau các sự kiện RRHĐ. Việc quản lý RRHĐ, vì thế, có vị trí vô cùng quan trọng để cải tiến, đảm bảo hoạt động lâu dài của các NHTM Việt Nam. Bài viết đã đưa ra một số đề xuất nhằm tăng cường quản lý hoạt động tại các NHTM Việt Nam như xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị RRHĐ theo chuẩn mực quốc tế, xây dựng quy trình quản lý RRHĐ theo thông lệ quốc tế, xây dựng cơ sở hạ tầng cho quản lý RRHĐ, đưa ra chiến lược cụ thể đối với các sự kiện tổn thất ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Basel Committee (2001) Working Paper of the Regulatory Treatment of Operational Risk. [Online] Available at https://www.bis.org/publ/bcbs_wp8.pdf
2. Basel Committee (2002) Sound Practices for the Management and Supervision of Operational Risk. [Online] Available at <https://www.bis.org/publ/bcbs96.pdf>
3. Basel Committee (2011). Principles for the Sound Management of Operational Risk. [Online] Available at <https://www.bis.org/bcbs/publ/d515.pdf>
4. Cooke, D. L. (2004). *The dynamics and control of operational risk*. (Doctoral dissertation , University of Calgary, Canada.
5. Frame. (2002). Survey research in operations management: a process-based perspective. *International journal of operations & production management*, 22(2), 152-194.
6. Ngân hàng Nhà nước (2018). *Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.

Ngày nhận bài: 3/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/4/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 4/5/2021

Thông tin tác giả:

TẠ THANH HUYỀN

Học viện Ngân hàng

**A STUDY IN MAJOR OPERATING LOSS EVENTS
OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS
IN THE PERIOD FROM 2009 TO 2019**

● TA THANH HUYEN

Banking Academy

ABSTRACT:

The increasingly complex business environment, greater operating pressure due to increases in the transaction volume and the transaction speed, and greater dependence on technology have increased the severity of operational loss events and the operational loss events are becoming increasingly diverse (Cooke, 2004). The operating loss events cover most banking activities and they are closely related to other banking risk events (Frame, 2002). Therefore, this study analyzes some major operating loss events of Vietnamese commercial banks and proposes some recommendations to strengthen the operational management of Vietnamese commercial banks.

Keywords: operational risk, operational loss, event.